

Số: /NQ-HĐND

Bình Thành, ngày tháng 9 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025
xã Bình Thành (Lần 1)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ BÌNH THÀNH
KHÓA XX, KỲ HỌP THỨ TƯ (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 49/2024/TT-BTC ngày 16/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm 2025 - 2027;

Căn cứ Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 29/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1015/QĐ-UBND ngày 30/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên năm 2025;

Căn cứ Kết luận số 36-KL/ĐU ngày 16/9/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã Bình Thành về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 (Lần 1) và thành lập Trung tâm Phục vụ Hành chính công xã Bình Thành;

Xét Tờ trình số 54/TTr-UBND ngày 16/9/2025 của Ủy ban nhân dân xã Bình Thành về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 xã Bình Thành (Lần 1); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã; Báo cáo tiếp thu, giải trình của UBND xã sau thẩm tra của hai Ban và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 xã Bình Thành (Lần 1) như sau:

- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 7.113.000.000 đồng.
- Tổng thu ngân sách địa phương: 65.662.000.000 đồng, trong đó:
- Bổ sung cân đối: 10.810.000.000 đồng.

- Bổ sung có mục tiêu: 54.852.000.000 đồng.
- 3. Tổng chi ngân sách địa phương: 65.662.000.000 đồng, trong đó:
 - Chi đầu tư phát triển: 9.772.000.000 đồng.
 - Chi thường xuyên: 55.703.000.000 đồng, trong đó:
 - + *Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo*: 32.248.803.000 đồng.
 - + *Quản lý nhà nước*: 23.454.197.000 đồng.
 - Dự phòng ngân sách: 187.000.000 đồng.

(Chi tiết tại Biểu số 01, 02, 03 kèm theo)

4. Các quỹ ngoài ngân sách (Quỹ công chuyên dùng):

Điều chỉnh toàn bộ tiền gửi các quỹ và tiền gửi khác về tài khoản của các đơn vị dự toán thuộc UBND xã Bình Thành với tổng số tiền là: 284.366.657 đồng (Chi tiết tại Biểu 04 kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã Bình Thành triển khai thực hiện điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 xã Bình Thành (Lần 1) theo đúng quy định của pháp luật và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã; đảm bảo thực hành, tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Bình Thành Khoá XX, kỳ họp thứ Tư (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 19 tháng 9 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng uỷ;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Ủy ban MTTQ xã;
- Các Ban thuộc HĐND;
- Văn phòng Đảng uỷ;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã;
- Các đơn vị liên quan;
- Các đại biểu HĐND xã khoá XX;
- 27 xóm;
- Lưu: VT, VP.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Quốc Thái

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 XÃ BÌNH THÀNH (LẦN 1)
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 19/9/2025 của HĐND xã Bình Thành)

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 06/8/2025 HĐND xã giao	Điều chỉnh tăng, giảm	Dự toán giao sau điều chỉnh
I	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	6.559.000.000	554.000.000	7.113.000.000
II	Thu ngân sách Nhà nước	47.547.000.000	18.115.000.000	65.662.000.000
1	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (<i>phần ngân sách xã hưởng</i>)	0	0	0
2	Thu trợ cấp từ ngân sách cấp trên	47.547.000.000	18.115.000.000	65.662.000.000
2.1	<i>Bổ sung cân đối</i>	<i>10.810.000.000</i>	<i>0</i>	<i>10.810.000.000</i>
2.2	<i>Bổ sung mục tiêu</i>	<i>36.737.000.000</i>	<i>18.115.000.000</i>	<i>54.852.000.000</i>
III	Chi ngân sách Nhà nước	47.547.000.000	18.115.000.000	65.662.000.000
1	Chi đầu tư phát triển	259.000.000	9.513.000.000	9.772.000.000
1.1	<i>Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	<i>259.000.000</i>	<i>975.000.000</i>	<i>1.234.000.000</i>
1.2	<i>Chi từ vốn các chương trình MTTQ</i>	0	8.538.000.000	8.538.000.000
-	<i>Chi Ngân sách cấp tỉnh đối ứng chương trình MTQG (Vốn đầu tư)</i>	<i>0</i>	<i>1.153.000.000</i>	<i>1.153.000.000</i>
-	<i>Chi Ngân sách cấp tỉnh đối ứng chương trình MTQG (Vốn sự nghiệp)</i>	<i>0</i>	<i>127.000.000</i>	<i>127.000.000</i>
-	<i>Chi vốn chương trình mục tiêu bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách</i>	<i>0</i>	<i>611.000.000</i>	<i>611.000.000</i>
-	<i>Chi vốn chương trình mục tiêu bổ sung thực hiện các chương trình MQQG</i>	<i>0</i>	<i>6.647.000.000</i>	<i>6.647.000.000</i>
2	Chi thường xuyên	47.101.000.000	8.602.000.000	55.703.000.000
	<i>Trong đó:</i>		0	
-	<i>Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo</i>	<i>29.848.000.000</i>	<i>2.400.803.000</i>	<i>32.248.803.000</i>
-	<i>Quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể</i>	<i>17.253.000.000</i>	<i>6.201.197.000</i>	<i>23.454.197.000</i>
3	Dự phòng ngân sách	187.000.000	0	187.000.000

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 XÃ BÌNH THÀNH(LẦN 1)*(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 19/9/2025 của HĐND xã Bình Thành)***ĐVT: Đồng**

STT	Nội dung	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 06/8/2025 HĐND xã giao	Điều chỉnh tăng, giảm	Dự toán giao sau điều chỉnh
A	Thu NSNN trên địa bàn	6.559.000.000	554.000.000	7.113.000.000
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	4.728.000.000	-	4.728.000.000
2	Thuế thu nhập cá nhân	335.000.000	-	335.000.000
3	Tiền sử dụng đất	370.000.000	554.000.000	924.000.000
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	6.000.000	-	6.000.000
5	Phí, lệ phí	117.000.000	-	117.000.000
6	Lệ phí trước bạ	950.000.000	-	950.000.000
7	Thu khác ngân sách	37.000.000	-	37.000.000
8	Thu tiền thuê đất	11.000.000	-	11.000.000
9	Thu từ khu vực DNNN địa phương quản lý	5.000.000	-	5.000.000

TT	Các cơ quan, đơn vị	Tổng dự toán năm 2025	Trong đó: Chi tiết theo lĩnh vực											
			Chi đầu tư phát triển	Quản lý hành chính Đảng, đoàn thể	Sự nghiệp Giáo dục và đào tạo	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp thể dục thể thao	Quốc phòng - An ninh	Đảm bảo xã hội	Sự nghiệp kinh tế	Nguồn vốn CTMTQG xây dựng NTM	Nguồn vốn CTMTQG giảm nghèo	Nguồn vốn CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bằng DTTS và miền núi	Chi thường xuyên khác (chưa phân bổ vào các SN)
4	Phòng Kinh tế	899.311.000		772.101.000						55.000.000	72.210.000			
-	Quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	489.511.000		489.511.000										
-	Kinh phí thực hiện công tác đo đạc, kiểm kê đất đai	30.000.000		30.000.000										
-	Chi hoạt động thường xuyên	150.000.000		150.000.000										
-	Chi phí lập quy hoạch chung toàn xã	40.000.000		40.000.000										
-	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	72.210.000									72.210.000			
-	Quỹ tiền thưởng theo NĐ 73	62.590.000		62.590.000										
-	Kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo	55.000.000							55.000.000					
5	Phòng Văn hóa - Xã hội	2.357.004.000		691.414.000					1.665.590.000					
-	Quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	477.164.000		477.164.000										
-	Kinh phí thực hiện chế độ chính sách đảm bảo xã hội 27/7	56.200.000							56.200.000					
-	Chi hoạt động thường xuyên, triển khai, tổ chức, hoạt động, tổng kết các phong trào, quỹ thi đua, khen thưởng các danh hiệu, phong trào theo Luật thi đua khen thưởng	160.000.000		160.000.000										
-	Quỹ tiền thưởng theo NĐ 73	54.250.000		54.250.000										
-	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí hóa táng	32.000.000							32.000.000					

TT	Các cơ quan, đơn vị	Tổng dự toán năm 2025	Trong đó: Chi tiết theo lĩnh vực											Chi thường xuyên khác (chưa phân bổ vào các SN)	
			Chi đầu tư phát triển	Quản lý hành chính Đảng, đoàn thể	Sự nghiệp Giáo dục và đào tạo	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp thể dục thể thao	Quốc phòng - An ninh	Đảm bảo xã hội	Sự nghiệp kinh tế	Nguồn vốn CTMTQG xây dựng NTM	Nguồn vốn CTMTQG giảm nghèo	Nguồn vốn CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bằng DTTS và miền núi		
8	Các đơn vị trường học	32.240.803.000			32.240.803.000										
-	Trường THCS Bình Thành (Đã bao gồm tiền thường theo Nghị định 73 và các chế độ chính sách khác theo quy định)	4.748.098.000			4.748.098.000										
-	Trường Tiểu học Bình Thành (Đã bao gồm tiền thường theo Nghị định 73 và các chế độ chính sách khác theo quy định)	5.668.834.000			5.668.834.000										
-	Trường Mầm non Bình Thành (Đã bao gồm tiền thường theo Nghị định 73 và các chế độ chính sách khác theo quy định)	5.275.886.000			5.275.886.000										
-	Trường THCS Sơn Phú (Đã bao gồm tiền thường theo Nghị định 73 và các chế độ chính sách khác theo quy định)	4.814.643.000			4.814.643.000										
-	Trường Tiểu học Sơn Phú (Đã bao gồm tiền thường theo Nghị định 73 và các chế độ chính sách khác theo quy định)	5.835.377.000			5.835.377.000										
-	Trường Mầm non Sơn Phú (Đã bao gồm tiền thường theo Nghị định 73 và các chế độ CS khác theo quy định)	5.824.965.000			5.824.965.000										
-	Trung tâm học tập cộng đồng	73.000.000			73.000.000										
9	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ nguồn vốn sự nghiệp	951.879.000									951.879.000				

BIỂU GIAO CÁC QUỸ NGOÀI NGÂN SÁCH CHO CÁC PHÒNG THỰC HIỆN NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 19/9/2025 của HĐND xã Bình Thành)

DVT: Đồng

TT	Tài khoản trước khi chuyển			Tài khoản đề nghị chuyển sang		
	Tên quỹ và các hoạt động tài chính khác	Số tài khoản	Số tiền (Đồng)	Tên tài khoản/đơn vị	Số tài khoản	Số tiền (Đồng)
1	Quỹ đền ơn đáp nghĩa		61.557.350	Quỹ đền ơn đáp nghĩa		61.557.350
-	UBND xã Sơn Phú	3722.0.1031878.00000	36.044.000	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Bình Thành	3761.0.1156400.91011	61.557.350
-	UBND xã Bình Thành	3722.0.1031875.00000	25.513.350			
2	Quỹ Bảo trợ trẻ em		6.736.450	Quỹ Bảo trợ trẻ em		6.736.450
-	UBND xã Sơn Phú	3722.0.1031878.00000	1.168.500	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Bình Thành	3761.0.1156400.91012	6.736.450
-	UBND xã Bình Thành	3722.0.1031875.00000	5.567.950			
3	Quỹ Khuyến Học		1.070.700	Quỹ Khuyến Học		1.070.700
-	UBND xã Sơn Phú	3722.0.1031878.00000	1.049.700	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Bình Thành	3713.0.1156400.00000	1.070.700
-	UBND xã Bình Thành	3722.0.1031875.00000	21.000			
4	Quỹ Da cam		20.987.950	Quỹ Da cam		20.987.950
-	UBND xã Sơn Phú	3722.0.1031878.00000	3.817.000	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Bình Thành	3713.0.1156400.00000	20.987.950
-	UBND xã Bình Thành	3722.0.1031875.00000	17.170.950			
5	Quỹ tiền khen thưởng		4.390.000	Quỹ tiền khen thưởng		4.390.000
-	UBND xã Bình Thành	3722.0.1031875.00000	4.390.000	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Bình Thành	3713.0.1156400.00000	4.390.000
6	Quỹ vì người nghèo		1.666.100	Quỹ vì người nghèo		1.666.100
-	UBND xã Sơn Phú	3722.0.1031878.00000	560.000	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc xã Bình Thành	3761.0.1162009.91046	1.666.100
-	UBND xã Bình Thành	3722.0.1031875.00000	1.106.100			
7	Quỹ nhân đạo		9.608.000	Quỹ nhân đạo		9.608.000
-	UBND xã Sơn Phú	3722.0.1031878.00000	9.608.000	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc xã Bình Thành	3761.0.1162009.91999	9.608.000
8	Quỹ hội người cao tuổi		12.252.200	Quỹ hội người cao tuổi		12.252.200
-	UBND xã Sơn Phú	3722.0.1031878.00000	102.000	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc xã Bình Thành	3761.0.1162009.91999	12.252.200
-	UBND xã Bình Thành	3722.0.1031875.00000	12.150.200			

TT	Tài khoản trước khi chuyển			Tài khoản đề nghị chuyển sang		
	Tên quỹ và các hoạt động tài chính khác	Số tài khoản	Số tiền (Đồng)	Tên tài khoản/đơn vị	Số tài khoản	Số tiền (Đồng)
9	Quỹ thu tang vật		1.590.000	Quỹ thu tang vật		1.590.000
-	UBND xã Sơn Phú	3722.0.1031878.00000	1.590.000	Phòng Kinh tế xã Bình Thành	3713.0.1152415.00000	1.590.000
10	Quỹ bảo vệ rừng		5.033.000	Quỹ bảo vệ rừng		5.033.000
	UBND xã Bình Thành	3722.0.1031875.00000	5.033.000	Phòng Kinh tế xã Bình Thành	3713.0.1152415.00000	5.033.000
11	Quỹ thể dục thể thao		764.800	Quỹ thể dục thể thao		764.800
-	UBND xã Sơn Phú	3722.0.1031878.00000	764.800	Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã Bình Thành	3713.0.1157331.00000	764.800
12	Quỹ đóng góp ND XD trường chuẩn THCS		72.188.000	Quỹ đóng góp ND XD trường chuẩn THCS		72.188.000
-	UBND xã Sơn Phú	3722.0.1031878.00000	72.188.000	Văn phòng hội đồng nhân dân- Ủy ban nhân dân xã Bình Thành	3713.0.1152392.00000	72.188.000
13	Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới		40.213.992	Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới		40.213.992
-	UBND xã Sơn Phú	3723.0.1031878.00000	35.860.000	Văn phòng hội đồng nhân dân- Ủy ban nhân dân xã Bình Thành	3713.0.1152392.00000	40.213.992
-	UBND xã Bình Thành	3723.0.1031875.00000	4.353.992			
14	Hỗ trợ mua dụng cụ thể thao ngoài trời		50.000	Hỗ trợ mua dụng cụ thể thao ngoài trời		50.000
-	UBND xã Sơn Phú	3723.0.1031878.00000	50.000	Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã Bình Thành	3713.0.1157331.00000	50.000
15	Tiền xây dựng cơ sở hạ tầng		46.258.115	Tiền xây dựng cơ sở hạ tầng		46.258.115
-	UBND xã Bình Thành	3741.0.1031875.92999	46.258.115	Văn phòng hội đồng nhân dân- Ủy ban nhân dân xã Bình Thành	3713.0.1152392.00000	46.258.115
TỔNG CỘNG			284.366.657			284.366.657